

ĐỀ ÁN

Sắp xếp, tổ chức lại thôn, tiểu khu trên địa bàn xã Đồng Lê

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Trên cơ sở Phương án tổng thể số 2856/PA-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, sau khi tiến hành triển khai lấy ý kiến nhân dân, UBND xã Đồng Lê xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tiểu khu trên địa bàn, cụ thể như sau:

Phần I

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025;
- Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;
- Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

8. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

9. Công văn số 2616/UBND-NC ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố;

10. Thông báo số 344-TB/TU ngày 15/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị về Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

11. Phương án tổng thể số 2856/PA-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

12. Công văn số 2322/SNV-XDCQ ngày 22/5/2026 của Sở Nội vụ về việc đề xuất phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố;

13. Công văn số 2796/SNV-XDCQ ngày 10/6/2026 của Sở Nội vụ về việc xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

II. SỰ CẦN THIẾT

Việc sắp xếp thôn, tiểu khu là yêu cầu khách quan, cấp thiết nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đang được triển khai trên phạm vi cả nước.

Trong thời gian qua, hệ thống chính quyền tại các thôn, tiểu khu trên địa bàn xã Đông Lê đã từng bước được củng cố, góp phần quan trọng trong việc tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Tuy nhiên, qua rà soát thực tế cho thấy một số thôn, tiểu khu còn tồn tại những hạn chế như: quy mô dân số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định; địa bàn dân cư phân tán, không đồng đều; quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ; công tác quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ thôn, tiểu khu còn gặp khó khăn; hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, yêu cầu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tiêu chuẩn quy mô thôn; đồng thời phục vụ tốt hơn nhu cầu sinh hoạt, đi lại, sản xuất của Nhân dân đặt ra yêu cầu cần thiết phải tiến hành sắp xếp lại các thôn, tiểu khu trên địa bàn.

Việc sắp xếp các thôn, tiểu khu nhằm mục tiêu: Bảo đảm quy mô dân số, số hộ phù hợp theo quy định, tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở thôn, giảm đầu mối, tiết kiệm ngân sách. Thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước và tổ chức các phong trào tại địa phương, phát huy hiệu quả nguồn lực, góp

phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Đáp ứng nguyện vọng và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

Nhằm đảm bảo ổn định tình hình dân cư cũng như phong tục, tập quán sinh hoạt của Nhân dân và nâng cao hiệu quả quản lý của địa phương, đồng thời thể theo nguyện vọng của Nhân dân, do vậy việc sáp nhập các thôn, tiểu khu là hết sức cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG THÔN, TIỂU KHU TRÊN ĐỊA BÀN

1. Đánh giá chung

a) Về tình hình kinh tế - xã hội:

Theo Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025, xã Đồng Lê được thành lập trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 5 xã Kim Hóa, Lê Hóa, Sơn Hóa, Thuận Hóa, thị trấn Đồng Lê. Tổng diện tích tự nhiên là 291,93 km²; quy mô dân số 24.282 người. Phía Bắc giáp xã Tuyên Sơn và các xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp xã Minh Hóa và Kim Phú, phía Tây giáp các xã: Minh Hóa, Tân Thành, Tuyên Sơn, phía Đông giáp xã Tuyên Phú và các xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Xã Đồng Lê có 34 thôn, tiểu khu, với 6.270 hộ, 24.282 nhân khẩu, trong đó: có 21 hộ, 90 khẩu đồng bào dân tộc thiểu số; 1.203 hộ và 5.015 khẩu đồng bào theo đạo Công giáo, có 01 giáo xứ (Kim Lũ), 06 giáo họ (Xuân Ninh, Xuân Hòa, Kim Tiến, Khe Nét, Đò Vàng, Đồng Lào), 01 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung (Đồng Lê); Phật giáo: 21 hộ, 99 khẩu.

Trên địa bàn có sông Gianh, khe Trợ, khe Đèng, Khe Rôn các thôn bị cách biệt địa hình đồi núi, giao thông đi lại khó khăn, nhất là về mùa mưa, lũ; nằm dọc sông Gianh thường xuyên bị ngập lụt, chia cắt.

Từ ngày 01/7/2025, xã Đồng Lê chính thức được thành lập và đi vào vận hành theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, trong điều kiện khối lượng công việc lớn, phạm vi quản lý rộng, nhiều nhiệm vụ tồn đọng được bàn giao từ cấp huyện và các xã, thị trấn trước đây. Trong bối cảnh đó, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Ban Thường vụ Đảng ủy xã; với sự phối hợp của Mặt trận, các ban, ngành, đoàn thể và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân, UBND xã đã chủ động ổn định tổ chức bộ máy, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ chính trị và đạt được nhiều kết quả quan trọng và toàn diện: Mô hình chính quyền địa phương hai cấp được vận hành thống nhất, thông suốt; vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của chính quyền và quyền làm chủ của Nhân dân tiếp tục được phát huy. Các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được triển khai tích cực; sản xuất nông nghiệp cơ bản ổn định; thu ngân sách đạt

kết quả cao; quản lý tài nguyên, môi trường được tăng cường; công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số có nhiều chuyển biến; an sinh xã hội được bảo đảm; quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, xã Đông Lê vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Đời sống nhân dân còn khó khăn do tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với mặt bằng chung của tỉnh; cơ sở hạ tầng còn nhiều thiếu thốn, chưa được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa; dân cư phân bố không đồng đều.

b) Về hoạt động của thôn, tiểu khu:

Tổ chức và hoạt động của các thôn, tiểu khu trên địa bàn xã trước và sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là tổ chức tự quản ở cộng đồng dân cư đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần vào sự phát triển chung của địa phương. Đội ngũ cán bộ thôn, tiểu khu ngày càng được quan tâm, nâng cao chất lượng, đóng vai trò quan trọng là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả đã xuất hiện, giúp giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân triển khai chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được thực hiện thường xuyên.

Hoạt động của thôn, tiểu khu tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

Phong trào xây dựng "Gia đình văn hóa", "Khu dân cư văn hóa" lan tỏa sâu rộng, góp phần xây dựng nếp sống văn minh. Các chi ủy chi bộ thôn, tiểu khu đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, bám sát mục tiêu nghị quyết đại hội chi bộ. Công tác dân vận ở các thôn, tiểu khu đã phát huy hiệu quả, đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với Nhân dân, tạo sự đồng thuận cao góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, xã Đông Lê có địa bàn rộng 291km², với 34 thôn, tiểu khu, trong đó nhiều thôn, tiểu khu có quy mô nhỏ, chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và số người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tiểu khu lớn (392 người) gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động cộng đồng.

2. Hiện trạng cụ thể

2.1. Về số lượng thôn, tiểu khu

- Toàn xã hiện có 34 thôn, tiểu khu (25 thôn, 9 tiểu khu).
- Tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã: 6.270 hộ; bình quân 184 hộ/thôn, tiểu khu.

- Số lượng thôn, tiểu khu đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ: 01 tiểu khu (Đồng Văn), chiếm tỷ lệ 2,94%;

- Số lượng thôn, tiểu khu chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ: 33 thôn/tiểu khu, chiếm tỷ lệ 97,05%.

2.2. Về người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tiểu khu

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thôn (tiểu khu) trên địa bàn xã hiện nay: 96 người (Trong đó: 34 Bí thư chi bộ, 32 Trưởng thôn/Trưởng tiểu khu, 30 Trưởng ban Công tác Mặt trận).

- Tổng số người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tiểu khu trên địa bàn xã hiện nay: 476 người.

Cụ thể như sau:

TT	Tên thôn, tiểu khu	Quy mô số hộ gia đình	Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định		Số người hoạt động không chuyên trách			Số người trực tiếp tham gia hoạt động	Ghi chú
			Đảm bảo	Chưa đảm bảo	Bí thư chi bộ	Trưởng thôn/Tiểu khu	Trưởng ban Công tác MT		
1	Thôn Kim Sơn	211		x	1	1	1	8	
2	Thôn Bắc Sơn	111		x	1	1	1	8	
3	Thôn Tân Sơn	180		x	1	1	1	8	
4	Thôn Xuân Phú	114		x	1	1	1	8	
5	Thôn Đồng Sơn	125		x	1	1	1	8	
6	Thôn	238		x	1	1	1	8	

TT	Tên thôn, tiểu khu	Quy mô số hộ gia đình	Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định		Số người hoạt động không chuyên trách			Số người trực tiếp tham gia hoạt động	Ghi chú
			Đảm bảo	Chưa đảm bảo	Bí thư chi bộ	Trưởng thôn/Tiểu khu	Trưởng ban Công tác MT		
	Tam Đa								
7	Thôn Tam Đăng	186		x	1	1	1	8	
8	Thôn Yên Xuân	192		x	1	1	1	9	
9	Thôn Đồng Lê	204		x	1		1	9	Bí thư kiêm Trưởng thôn
10	Thôn Quảng Hóa	231		x	1	1		9	Bí thư kiêm Trưởng ban công tác mặt trận
11	Thôn Tiên Phong	87		x	1	1	1	9	
12	Thôn Thượng Phong	124		x	1	1		8	Bí thư kiêm Trưởng ban công tác mặt trận
13	Thôn Thuận	167		x	1	1	1	9	

TT	Tên thôn, tiểu khu	Quy mô số hộ gia đình	Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định		Số người hoạt động không chuyên trách			Số người trực tiếp tham gia hoạt động	Ghi chú
			Đảm bảo	Chưa đảm bảo	Bí thư chi bộ	Trưởng thôn/Tiểu khu	Trưởng ban Công tác MT		
	Tiên								
14	Thôn Xuân Canh	101		x	1	1	1	9	
15	Thôn Đồng Lào	123		x	1	1		8	Bí thư kiêm Trưởng ban công tác mặt trận
16	Thôn Hạ Lào	114		x	1	1	1	9	
17	Thôn Ba Tâm	222		x	1		1	9	Bí thư kiêm Trưởng thôn
18	Thôn Kim Thủy	204		x	1	1	1	9	
19	Thôn Kim Tân	159		x	1	1		9	Bí thư kiêm Trưởng ban công tác mặt trận
20	Thôn Kim Trung	220		x	1	1	1	9	
21	Thôn	150		x	1	1	1	9	

TT	Tên thôn, tiểu khu	Quy mô số hộ gia đình	Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định		Số người hoạt động không chuyên trách			Số người trực tiếp tham gia hoạt động	Ghi chú
			Đảm bảo	Chưa đảm bảo	Bí thư chi bộ	Trưởng thôn/Tiểu khu	Trưởng ban Công tác MT		
	Kim Ninh								
22	Thôn Kim Lũ 1	281		x	1	1	1	9	
23	Thôn Kim Lũ 2	280		x	1	1	1	9	
24	Thôn Kim Tiến	108		x	1	1	1	9	
25	Thôn Kim Lịch	205		x	1	1	1	9	
26	Tiểu khu Tân Lập	103		x	1	1	1	9	
27	Tiểu khu Đồng Văn	383	x		1	1	1	9	
28	Tiểu khu Tam Đồng	224		x	1	1	1	8	
29	Tiểu khu Đồng Tân	192		x	1	1	1	9	

TT	Tên thôn, tiểu khu	Quy mô số hộ gia đình	Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định		Số người hoạt động không chuyên trách			Số người trực tiếp tham gia hoạt động	Ghi chú
			Đảm bảo	Chưa đảm bảo	Bí thư chi bộ	Trưởng thôn/Tiểu khu	Trưởng ban Công tác MT		
30	Tiểu khu Lưu Thuận	163		x	1	1	1	9	
31	Tiểu khu 1	299		x	1	1	1	9	
32	Tiểu khu 2	236		x	1	1	1	9	
33	Tiểu khu 3	180		x	1	1	1	9	
34	Tiểu khu 4	153		x	1	1	1	9	
Tổng cộng		6270	01	33	34	32	30	296	

3. Những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện sắp xếp

3.1. Thuận lợi

- Chủ trương kịp thời, đúng đắn, được tuyệt đại đa số Nhân dân đồng tình ủng hộ.

- Mặc dù quy mô dân số chưa đảm bảo theo quy định nhưng cơ bản các thôn, tiểu khu thuộc diện sắp xếp liền kề đều có khoảng cách dân cư sinh sống gần nhau; phong tục tập quán cũng như văn hóa, tín ngưỡng tương đồng.

3.2. Khó khăn

- Địa bàn rộng, địa hình chia cắt phức tạp, số lượng hộ dân tăng làm khối lượng công việc hành chính lớn dẫn đến áp lực, khó khăn cho cán bộ cơ sở.

- Việc sử dụng các nền tảng số của một số cán bộ cơ sở còn khó khăn do độ tuổi bình quân người tham gia hoạt động ở thôn còn cao. Tỷ lệ dân số trên địa bàn sử dụng các dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế, đòi hỏi cán bộ phải trực tiếp hỗ trợ nhiều hơn.

- Người dân phải thực hiện cập nhật, điều chỉnh các loại giấy tờ tùy thân. Ngoài ra việc hòa nhập vào không gian cộng đồng mới với các quy ước, nếp sống khác biệt, cần thời gian để thích nghi.

- Các nhà sinh hoạt cộng đồng cũ dôi dư cần phải chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả, không để gây thất thoát, lãng phí. Mặt khác, cần kinh phí lớn để nâng cấp, mở rộng, làm mới nhà sinh hoạt cộng đồng, đồng thời quy hoạch vị trí mới, trung tâm nhằm đáp ứng sức chứa, nhu cầu sinh hoạt cho một cộng đồng đông dân cư.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TIỂU KHU

Việc xây dựng Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tiểu khu được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc, yêu cầu quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg và các tiêu chí của thôn, tổ dân phố tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.

1. Nguyên tắc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tiểu khu

a) Việc sắp xếp thôn, tiểu khu phải bảo đảm phù hợp với tiêu chí, điều kiện theo quy định của Chính phủ và yêu cầu quản lý của địa phương khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Thôn được tổ chức ở xã. Trường hợp cần thiết do đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán hoặc yêu cầu quản lý thực tế của địa phương thì HĐND xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi cộng đồng dân cư khác phù hợp với thực tiễn địa phương.

c) Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tiểu khu cần xem xét kỹ lưỡng các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, dân tộc, tôn giáo, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

d) Tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình:

- Thôn phải có từ 350 hộ gia đình trở lên.

- Đối với thôn, tiểu khu thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn; thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, cách cồn, cách núi, cách sông, giao thông đi lại khó khăn, địa hình cách trở, thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai; thôn có dân cư sinh sống phân tán, rải rác (quy mô diện tích có hộ gia đình sinh sống quá lớn); thôn ở địa bàn thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn có văn hóa,

phong tục, tập quán, tín ngưỡng đặc thù... thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định trên.

đ) Đối với thôn, tiểu khu đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư nhưng không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã (nghĩa là hiện nay thôn này thuộc quản lý hành chính của một xã nhưng nằm trong địa giới hành chính của xã khác) thì thống nhất thực hiện việc chuyển giao cộng đồng dân cư theo đúng địa giới hành chính để thuận tiện cho hoạt động quản lý và sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

2. Định hướng sắp xếp chung trên địa bàn xã

Sắp xếp từ 34 thôn, tiểu khu xuống còn 16 thôn; cơ bản giữ nguyên địa giới hành chính các thôn, tiểu khu sau sáp nhập.

3. Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tiểu khu

3.1. Phương án sắp xếp, tổ chức lại

TT	HIỆN TRẠNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI			Lý do, sự cần thiết
	Tên thôn, TDP	Số hộ	Tên thôn sau sắp xếp	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn Kim Sơn	211	Thôn Sơn Hóa	Sáp nhập toàn bộ thôn Kim Sơn, thôn Bắc Sơn và thôn Tân Sơn thành 01 thôn mới là thôn Sơn Hóa	502	
2	Thôn Bắc Sơn	111				
3	Thôn Tân Sơn	180				
4	Thôn Xuân Phú	114	Thôn Đồng Xuân	Sáp nhập toàn bộ thôn Xuân Phú, thôn Đồng Sơn, tiểu khu Tân Lập và 1 phần của thôn Tam Đăng (24 hộ) thành 01	366	
5	Thôn Đồng	125				

	Son			thôn mới là thôn Đồng Xuân		
6	Tiểu khu Tân Lập	103				
	Thôn Tam Đăng	24				
7	Thôn Tam Đa	238		Sáp nhập toàn bộ thôn Tam Đa và 162/186 hộ của thôn Tam Đăng thành 01 thôn mới là thôn Tam Đa	400	
8	Thôn Tam Đăng	162	Thôn Tam Đa			
9	Tiểu khu Đồng Văn	383		Sáp nhập toàn bộ Tiểu khu Đồng Văn, Tiểu khu Tam Đồng thành 01 thôn mới là Đồng Văn	607	
10	Tiểu khu Tam Đồng	224	Thôn Đồng Văn			
11	Tiểu khu 1	299		Sáp nhập toàn bộ Tiểu khu 2 và Tiểu khu 1 thành một thôn mới là Đồng Tiến	535	
12	Tiểu khu 2	236	Thôn Đồng Tiến			
13	Tiểu khu 3	180		Sáp nhập toàn bộ Tiểu khu 3, Tiểu khu 4, Tiểu khu Đồng Tân thành 01 thôn mới là Đồng Tân	525	
14	Tiểu khu 4	153				
15	Tiểu khu Đồng Tân	192	Thôn Đồng Tân			
16	Tiểu khu Lưu Thuận	163		Sáp nhập toàn bộ Tiểu khu Lưu	355	

17	Thôn Yên Xuân	192	Xuân	Thuận và thôn Yên Xuân thành 01 thôn mới là Yên Xuân		
18	Thôn Đồng Lê	204	Thôn Lê Hóa	Sáp nhập toàn bộ thôn Đồng Lê và thôn Quảng Hóa thành 01 thôn mới là Lê Hóa	435	
19	Thôn Quảng Hóa	231				
20	Thôn Tiên Phong	87	Thôn Thượng Phong	Sáp nhập toàn bộ thôn Tiên Phong và thôn Thượng Phong thành 01 thôn mới là Thượng Phong	211	<p>- Nếu nhập thêm Thôn Quảng Hóa (thôn liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới sau sáp nhập 3 thôn lại với nhau (Quảng Hóa, Tiên Phong, Thượng Phong) là 08km.</p> <p>- Khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn khoảng trên 10km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 10km².</p> <p>- Ngoài ra thôn mới sau sáp nhập bị cách biệt với thôn liền kề bởi giao thông đi lại khó khăn nhất là về mùa mưa</p>
21	Thôn Thượng Phong	124				
22	Thôn Thuận Tiến	167				<p>- Nếu nhập thêm Tiểu khu 1 hoặc Tiểu khu Đồng Văn vào (tiểu khu liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới sau sáp nhập với Tiểu</p>

23	Thôn Xuân Canh	101		Thuận Hóa	<p>khu 1 hoặc Đồng Văn là 12km.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn khoảng trên 10km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 10km². - Ngoài ra thôn mới sau sáp nhập bị cách biệt với thôn liền kề bởi địa hình đồi, núi, giao thông đi lại khó khăn, nhất là về mùa mưa, lũ; nằm dọc sông Gianh thường xuyên bị ngập lụt, chia cắt.
24	Thôn Đồng Lào	123			<ul style="list-style-type: none"> - Nếu nhập thêm thôn Ba Tâm vào (thôn liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới sau sáp nhập với thôn Ba Tâm là 09km.
25	Thôn Hạ Lào	114	Thôn Đồng Lào	Sáp nhập toàn bộ thôn Đồng Lào và thôn Hạ Lào thành 01 thôn mới là Đồng Lào	<p>237</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn khoảng trên 08km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 09km². - Ngoài ra thôn mới sau sáp nhập bị cách biệt với thôn liền kề bởi địa hình đồi, núi, giao thông đi lại khó khăn, nhất là về mùa mưa, lũ; nằm dọc sông Gianh thường xuyên bị ngập lụt, chia cắt, về mùa mưa lũ có khoảng 2/3 số

						nhà bị ngập, đặc biệt những trận lũ lịch sử có gần 100% hộ gia đình bị ngập.
26	Thôn Ba Tâm	222	Thôn Ba Tâm	Giữ nguyên	222	<p>- Nếu nhập thêm thôn Đồng Lào và Hạ Lào vào (thôn liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới sau sáp nhập với 02 thôn trên là 09km.</p> <p>- Khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn khoảng trên 08km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 09km².</p> <p>- Ngoài ra thôn mới sau sáp nhập bị cách biệt với thôn liền kề giao thông đi lại khó khăn, nhất là mùa mưa vì có khe Trọ hay bị ngập.</p>
27	Thôn Kim Thủy	204	Thôn Tân Thủy	Sáp nhập toàn bộ thôn Kim Thủy và thôn Kim Tân thành 01 thôn mới là Tân Thủy	363	
28	Thôn Kim Tân	159				
29	Thôn Kim Trung	220	Thôn Trung Ninh	Sáp nhập toàn bộ thôn Kim Trung và thôn Kim Ninh thành 01 thôn mới là Trung Ninh	370	
30	Thôn Kim Ninh	150				

31	Thôn Kim Lũ 1	281	Thôn Kim Lũ	Sáp nhập toàn bộ thôn Kim Lũ 1, thôn Kim Lũ 2 và thôn Kim Tiến thành 01 thôn mới là Kim Lũ	669	
32	Thôn Kim Lũ 2	280				
33	Thôn Kim Tiến	108				
34	Thôn Kim Lịch	205	Thôn Kim Lịch	Giữ nguyên	205	<p>Thôn Kim Lịch có 205 hộ, đạt 58,57% chưa đủ quy mô theo quy định. UBND xã đã rà soát, báo cáo và xin ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy xã xem xét sáp nhập thêm các thôn khác liền kề, tuy nhiên, vì do các điều kiện khách quan như sau:</p> <p>Thôn Kim Lịch không thể nhập với thôn khác vì nằm biệt lập, giáp với xã Tuyên Sơn, nằm dưới chân Đèo Khe Nét, cách thôn Kim Lũ 2 khoảng 06km tính từ nơi có dân cư sinh sống; giao thông đi lại khó khăn, nhất là về mùa mưa thường xuyên bị chia cắt bởi Khe Đèng. Nhằm thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý của địa phương, đồng thời thể theo nguyện vọng của Nhân dân, do vậy, việc giữ</p>

						nguyên không thực hiện sáp nhập thôn Kim Lịch với thôn khác là hết sức cần thiết.
--	--	--	--	--	--	---

3.2. Sau sắp xếp, tổ chức lại

- Sau sắp xếp, toàn xã có 16 thôn; giảm 18 thôn (tiểu khu) so với trước sắp xếp, đạt tỷ lệ 52,94%.

- Tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã: 6.270 hộ; bình quân 391,87 hộ/thôn, tăng 52,04%.

- Số lượng thôn đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình: 11 thôn, chiếm tỷ lệ 68,75%; tăng so với trước sắp xếp 90,9%;

- Số lượng thôn chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình: 5 thôn, chiếm tỷ lệ 31,25%; giảm so với trước sắp xếp 84,8%.

3.3. Sắp xếp các chi bộ, các chi hội, các tổ chức đoàn thể ở thôn

Đảng ủy xã đã chỉ đạo kiện toàn các Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn; Trưởng ban Công tác Mặt trận; sắp xếp, hợp nhất các hội đoàn thể bảo đảm phù hợp với đơn vị thôn mới và quy định hiện hành.

3.4. Điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp

- Về nhân sự:

+ Sau sắp xếp, đảm bảo số lượng, chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP: không quá 03 người, gồm các chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn; Trưởng ban Công tác Mặt trận.

+ Ngoài ra, bố trí người tham gia hoạt động ở thôn, (bao gồm: cấp phó của 3 chức danh trên và các chi hội trưởng, chi hội phó của các tổ chức chính trị - xã hội, hội xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các chức danh khác) để hỗ trợ, thực hiện các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư.

+ Tại các thôn được sắp xếp, tổ chức lại, UBND xã chỉ định Trưởng thôn lâm thời để điều hành hoạt động của thôn cho đến khi bầu được Trưởng thôn trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn lâm thời.

- Về kinh phí: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Nhà sinh hoạt cộng đồng:

Thôn Sơn Hóa tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Sơn hiện nay.

Thôn Đồng Xuân tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xuân Phú hiện nay.

Thôn Tam Đa tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tam Đa hiện nay.

Thôn Đồng Văn tại nhà sinh hoạt cộng đồng Tiểu khu Đồng Văn hiện nay.

Thôn Đồng Tiến tại nhà sinh hoạt cộng đồng Tiểu khu 1 hiện nay.

Thôn Đồng Tân trước mắt tại nhà sinh hoạt cộng đồng Tiểu khu 3, sau đó dự kiến bố trí tại Trường MN Đồng Lê.

Thôn Yên Xuân tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Yên Xuân hiện nay.

Thôn Lê Hóa tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đồng Lê hiện nay (sau này dự kiến giao trụ sở làm việc của xã Lê Hóa cũ để thôn quản lý, sử dụng).

Thôn Thượng Phong tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thượng Phong hiện nay (sau này dự kiến giao điểm lẻ Trường MN Lê Hóa cũ để thôn quản lý, sử dụng).

Thôn Thuận Hóa tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thuận Tiến hiện nay.

Thôn Đồng Lào tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đồng Lào hiện nay (sau này dự kiến giao trụ sở làm việc của xã Thuận Hóa cũ để thôn quản lý, sử dụng).

Thôn Ba Tâm tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ba Tâm hiện nay.

Thôn Tân Thủy tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Kim Thủy hiện nay.

Thôn Trung Ninh tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Kim Trung hiện nay.

Thôn Kim Lũ tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Kim Lũ 1 (sau này dự kiến bố trí Trường MN Kim Lũ hiện nay).

Thôn Kim Lịch tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Kim Lịch hiện nay.

- *Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố:*

Sau khi sắp xếp, các thôn tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới hương ước, quy ước theo quy định trên cơ sở hương ước, quy ước của các thôn, tiểu khu cũ.

- *Quy chế phối hợp giữa Trưởng thôn với Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố:*

Thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

4. Phương án bố trí và giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp thôn, tiểu khu; người tham gia trực tiếp hoạt động ở thôn.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách trước khi sắp xếp: 96 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách được tiếp tục bố trí: 48 người, giảm 48 người, tương đương 50% (có Đề án bố trí riêng do Ban Xây dựng Đảng xã chủ trì tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ).

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách đề xuất giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP: dự kiến 87 người; lộ trình thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Số lượng người tham gia trực tiếp hoạt động ở thôn: 224 người, giảm 252 người, tương đương 47,05%.

5. Đánh giá hiệu quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại thôn

- Tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối quản lý từ 34 thôn, tiểu khu xuống còn 16 thôn; cắt giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách, từ đó tiết kiệm ngân sách chi trả phụ cấp và nâng cao mức hỗ trợ cho cán bộ cơ sở còn lại;

- Tập trung nguồn lực, mở rộng không gian, quy mô dân số giúp địa phương dễ dàng huy động nguồn lực xã hội hóa, quy hoạch hạ tầng và phát triển kinh tế tập trung;

- Tăng cường năng lực tự quản: Quy mô dân cư lớn hơn giúp tạo ra các cộng đồng dân cư đủ mạnh để tự quản lý, gắn kết văn hóa và thực hiện tốt hơn các phong trào toàn dân. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện

Xây dựng Đề án.

Tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình tại các thôn, tiểu khu liên quan.

Trình HĐND xã thông qua.

Trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Phòng Văn hóa - Xã hội:

- Tham mưu UBND xã Đề án trình Đảng ủy xin chủ trương thực hiện Đề án sắp xếp các thôn, tiểu khu trên địa bàn xã.

- Triển khai đến thôn, tiểu khu tổ chức hội nghị của các thôn, tiểu khu lấy ý kiến nhân dân về Đề án sắp xếp các thôn, tiểu khu hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy kết quả lấy ý kiến nhân dân và trình HĐND thông qua Đề án và ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp thôn, tiểu khu trên địa bàn xã Đồng Lê.

2.2. Phòng Kinh tế: Thẩm định dự toán và tham mưu phân bổ kinh phí thực hiện, hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định. Báo cáo chi tiết về quy mô diện tích, sơ đồ của các thôn sau khi thực hiện Đề án sắp xếp các thôn.

2.3. Văn phòng HĐND và UBND xã: Tham mưu Hội đồng nhân dân xã tổ chức kỳ họp chuyên đề để ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp thôn, tiểu khu trên địa bàn xã Đồng Lê.

2.4. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã: Tuyên truyền rộng rãi đến toàn thể hội viên, đoàn viên và Nhân dân về kế hoạch, Đề án sắp xếp lại các thôn, tiểu khu của UBND xã. Phối hợp UBND xã thực hiện lấy ý kiến nhân dân về Đề án sắp xếp các thôn, tiểu khu.


2.5. Đối với các thôn, tiểu khu: Thông tin, tuyên truyền đến các hộ dân trên địa bàn thôn, tiểu khu hiểu rõ ý nghĩa, mục đích của việc sắp xếp thôn, tiểu khu; tổ chức triển khai lấy ý kiến cử tri đúng theo quy định, báo cáo kết quả tổ chức lấy ý kiến cho cơ quan có thẩm quyền.

Trên đây là Đề án sắp xếp các thôn, tiểu khu trên địa bàn xã Đồng Lê, UBND xã Đồng Lê trình HĐND xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- BTV Đảng ủy xã;
- TT HĐND, UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị cấp xã;
- Các thôn, tiểu khu
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Tiến Dũng